

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 345/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN ÁP DỤNG CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI VIỆT NAM

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam” kèm theo Quyết định này với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tài chính, kế toán; tạo dựng công cụ quản lý hiệu lực, hiệu quả cho công tác quản trị, điều hành tại doanh nghiệp cũng như việc quản lý, giám sát của cơ quan chức năng Nhà nước trong giai đoạn mới, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả của các thông tin tài chính, nâng cao trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp, bảo vệ môi trường kinh doanh, bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, góp phần thúc đẩy hội nhập của nền kinh tế Việt Nam với khu vực và thế giới.

2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam bao gồm 2 nội dung sau:

(1) Xây dựng phương án, lộ trình và công bố, hỗ trợ áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Việt Nam cho từng nhóm đối tượng cụ thể được xác định, phù hợp với thông

lệ quốc tế nhằm mục đích nâng cao tính minh bạch, trung thực của báo cáo tài chính, nâng cao trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp đối với người sử dụng báo cáo tài chính.

(2) Ban hành mới và tổ chức thực hiện hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam (VFRS) theo nguyên tắc tiếp thu tối đa thông lệ quốc tế, phù hợp với đặc thù của nền kinh tế Việt Nam và nhu cầu của doanh nghiệp, đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

II. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP

1. Đối tượng áp dụng

(1) Các doanh nghiệp bao gồm: các doanh nghiệp có nhu cầu, đủ khả năng và nguồn lực áp dụng IFRS, được xác định theo từng giai đoạn phù hợp với lộ trình được công bố; và các doanh nghiệp khác thuộc mọi lĩnh vực, thành phần kinh tế hoạt động tại Việt Nam áp dụng VFRS.

Các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ không có nhu cầu và điều kiện áp dụng IFRS hoặc VFRS không thuộc đối tượng áp dụng của Đề án.

(2) Các cơ sở đào tạo, hội nghề nghiệp và đơn vị cung cấp dịch vụ bao gồm: các đơn vị có các hoạt động phối hợp nghiên cứu, đào tạo, cung cấp dịch vụ và hỗ trợ triển khai áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế và chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam.

(3) Cơ quan quản lý nhà nước, bao gồm: Bộ Tài chính và các đơn vị liên quan trong hoạt động xây dựng phương án, lộ trình và công bố, hỗ trợ áp dụng IFRS; nghiên cứu, xây dựng, ban hành, đào tạo và hướng dẫn tổ chức thực hiện VFRS.

2. Phương án thực hiện

2.1. Phương án công bố, áp dụng IFRS

2.1.1. Lộ trình áp dụng

a. Giai đoạn chuẩn bị (2020-2021):

- Xây dựng và ban hành Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam. Thời gian thực hiện: Đến trước tháng 3/2020.

- Thành lập Ban dịch thuật và soát xét, hoàn thành bản dịch IFRS sang tiếng Việt. Thời gian thực hiện: Đến trước tháng 12/2020.

- Bộ Tài chính xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp công bố bản dịch IFRS sang tiếng Việt. Thời gian thực hiện: Đến trước tháng 3/2021.

- Bộ Tài chính xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về cách thức áp dụng IFRS; Bổ sung, sửa đổi và ban hành mới một số cơ chế tài chính liên quan đến việc áp dụng IFRS. Thời gian thực hiện: Đến trước 15/11/2021.

- Đào tạo nguồn nhân lực, quy trình triển khai cho các doanh nghiệp.

b. Giai đoạn 1, áp dụng tự nguyện (2022 đến 2025):

(1) Đối với báo cáo tài chính hợp nhất:

Các doanh nghiệp sau có nhu cầu và đủ nguồn lực, thông báo cho Bộ Tài chính trước khi tự nguyện áp dụng IFRS để lập báo cáo tài chính hợp nhất:

- Công ty mẹ của tập đoàn kinh tế Nhà nước quy mô lớn hoặc có các khoản vay được tài trợ bởi các định chế tài chính quốc tế;

- Công ty mẹ là công ty niêm yết;

- Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ chưa niêm yết;

- Các công ty mẹ khác.

(2) Đối với báo cáo tài chính riêng:

- Các doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là công ty con của công ty mẹ ở nước ngoài có nhu cầu và đủ nguồn lực, thông báo cho Bộ Tài chính trước khi tự nguyện áp dụng IFRS để lập báo cáo tài chính riêng.

- Khi áp dụng IFRS doanh nghiệp phải đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin và giải trình rõ ràng, minh bạch với cơ quan thuế, cơ quan quản lý, giám sát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

c. Giai đoạn 2, áp dụng bắt buộc (sau năm 2025)

(1) Đối với báo cáo tài chính hợp nhất:

- Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện áp dụng IFRS của giai đoạn 1, Bộ Tài chính căn cứ nhu cầu, khả năng sẵn sàng của các doanh nghiệp và tình hình thực tế, quy định phương án, thời điểm bắt buộc áp dụng IFRS để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho từng nhóm doanh nghiệp thuộc các đối tượng cụ thể sau:

+ Công ty mẹ của tập đoàn kinh tế Nhà nước;

+ Công ty mẹ là công ty niêm yết;

+ Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ chưa niêm yết;

+ Công ty mẹ quy mô lớn khác.

- Các công ty mẹ khác không thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng nêu trên có nhu cầu và đủ nguồn lực, thông báo cho Bộ Tài chính trước khi tự nguyện áp dụng IFRS để lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(2) Đối với báo cáo tài chính riêng:

- Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện áp dụng IFRS của giai đoạn 1, Bộ Tài chính căn cứ nhu cầu, khả năng sẵn sàng của các doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và tình hình thực tế, quy định phương án, thời điểm áp dụng bắt buộc hoặc áp dụng tự nguyện IFRS để lập báo cáo tài chính riêng cho từng nhóm đối tượng, đảm bảo tính hiệu quả và khả thi.

- Khi áp dụng IFRS doanh nghiệp phải đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin và giải trình rõ ràng, minh bạch với cơ quan thuế, cơ quan quản lý, giám sát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

2.1.2. Yêu cầu và cách thức áp dụng IFRS:

- Doanh nghiệp phải trình bày, thuyết minh chi tiết trong báo cáo tài chính đối với các nội dung khác biệt giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (nếu có). Doanh nghiệp thực hiện việc kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

- Doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng IFRS phải áp dụng tất cả các IFRS đã có hiệu lực theo quy định của Ủy ban Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IASB) tại cùng một thời điểm. Khi IASB có sự sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các IFRS thì cần phải kịp thời công bố bản dịch để thống nhất triển khai cho các đơn vị thuộc đối tượng áp dụng.

- Doanh nghiệp áp dụng tự nguyện hoặc áp dụng bắt buộc IFRS theo nguyên tắc nhất quán trong cả năm tài chính.

- Bộ Tài chính ban hành các tiêu chí, hướng dẫn để đánh giá các thông tin tài chính của doanh nghiệp, đảm bảo tính so sánh giữa doanh nghiệp áp dụng IFRS và doanh nghiệp không áp dụng IFRS.

- Bộ Tài chính công bố danh sách doanh nghiệp tự nguyện hoặc bắt buộc áp dụng IFRS lập báo cáo tài chính hợp nhất hoặc báo cáo tài chính riêng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

2.2. Phương án xây dựng, ban hành và áp dụng VFRS

2.2.1. Lộ trình áp dụng

a. Giai đoạn chuẩn bị (2020-2024):

- Xây dựng và ban hành Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam. Thời gian thực hiện: Đến trước tháng 3/2020.

- Thành lập Ban soạn thảo, tổ biên tập chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam. Thời gian thực hiện: Đến trước tháng 6/2020.

- Nghiên cứu, xây dựng, ban hành VFRS, bao gồm các chuẩn mực báo cáo tài chính được ban hành mới và các chuẩn mực báo cáo tài chính thay thế cho các chuẩn mực kế toán tương ứng trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành. Thời gian thực hiện: Đến trước 15/11/2024.

- Nghiên cứu, xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn VFRS, thay thế cho các văn bản hiện nay. Thời gian thực hiện cùng với việc ban hành IFRS: Đến trước 15/11/2024.

b. Giai đoạn triển khai áp dụng VFRS (từ năm 2025):

- Tổ chức triển khai áp dụng VFRS cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế hoạt động tại Việt Nam, trừ các đối tượng áp dụng IFRS hoặc chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp siêu nhỏ.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Tài chính thường xuyên rà soát lại VFRS, cập nhật những thay đổi của IFRS để đảm bảo VFRS phù hợp ở mức độ cao nhất với thông lệ quốc tế.

2.2.2. Yêu cầu và cách thức áp dụng VFRS:

- VFRS được xây dựng dựa trên hệ thống IFRS theo nguyên tắc tiếp thu tối đa thông lệ quốc tế, phù hợp với đặc thù của nền kinh tế Việt Nam, nhu cầu của doanh nghiệp, đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

- Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán riêng cho các doanh nghiệp siêu nhỏ không có nhu cầu và điều kiện áp dụng IFRS và VFRS.

3. Giải pháp thực hiện đề án

3.1. Thành lập Ban biên dịch, Ban soát xét bản dịch IFRS

Ban biên dịch, Ban soát xét bản dịch IFRS sang tiếng Việt gồm đại diện các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, các cơ sở đào tạo, hội nghề nghiệp và doanh nghiệp kiểm toán có chuyên môn nghiệp vụ kế toán và trình độ tiếng Anh. Ban biên dịch và soát xét bản dịch do Cục trưởng Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán làm trưởng ban. Số lượng thành viên Ban biên dịch, Ban soát xét bản dịch do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

3.2. Thành lập Ban soạn thảo và tổ biên tập chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam

Ban soạn thảo chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam gồm đại diện các Bộ, ngành, hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, công ty kiểm toán, đơn vị trong và ngoài Bộ Tài chính. Ban soạn thảo chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam do Thứ trưởng Bộ Tài chính làm Trưởng ban, Cục trưởng Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán làm phó trưởng ban thường trực, số lượng thành viên Ban soạn thảo do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

Tổ biên tập chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam do Cục trưởng Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán làm Tổ trưởng; các phó Cục trưởng Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán làm Tổ phó; Thành viên Tổ biên tập bao gồm cán bộ Cục Quản lý giám sát kế toán, kiểm toán và đại diện các Bộ, ngành, hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, công ty kiểm toán, đơn vị trong và ngoài Bộ Tài chính, số lượng thành viên tổ biên tập do Trưởng ban soạn thảo quyết định.

3.3. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính, kế toán

a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thể thức thực hiện và công bố bản dịch IFRS ra tiếng Việt;

b) Nghiên cứu, ban hành hệ thống VFRS theo hướng phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế và điều kiện của Việt Nam;

c) Xây dựng các tài liệu hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ kế toán giúp cho các đối tượng có liên quan có thể tiếp cận, nghiên cứu và triển khai thực hiện IFRS, VFRS;

d) Rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính theo các mục tiêu cải cách, tạo sự bình đẳng trong việc áp dụng và thực thi pháp luật giữa các thành phần kinh tế; xác định và phân biệt rõ phạm vi áp dụng của chuẩn mực báo cáo tài chính và cơ chế tài chính, hạn chế vướng mắc trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp;

e) Ban hành các văn bản và tổ chức hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ pháp luật về kế toán, các chuẩn mực báo cáo tài chính.

3.4. Hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp áp dụng IFRS

a) Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp có nhu cầu và đủ nguồn lực tự nguyện áp dụng IFRS.

b) Thực hiện khảo sát nhu cầu, khả năng sẵn sàng của doanh nghiệp để có những điều chỉnh về đối tượng, lộ trình và phương án áp dụng IFRS phù hợp với tình hình thực tiễn của từng giai đoạn.

c) Tổ chức các cuộc hội thảo, trao đổi và tìm các biện pháp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong quá trình áp dụng IFRS.

d) Thực hiện các hỗ trợ kỹ thuật cần thiết để giúp doanh nghiệp chuyển đổi sang áp dụng IFRS theo kế hoạch.

3.5. Đào tạo nguồn nhân lực

a) Xây dựng kế hoạch tổng thể và triển khai đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu và lộ trình áp dụng IFRS.

b) Triển khai hoạt động đào tạo IFRS cho thành viên Ban nghiên cứu, soạn thảo chuẩn mực; các doanh nghiệp, công ty kiểm toán, các cơ sở đào tạo, các hội nghề nghiệp và các đối tượng khác có liên quan trong quá trình áp dụng.

3.6. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, các hội nghề nghiệp, các tổ chức khác

a) Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, các hội nghề nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế trong việc: Dịch thuật, công bố và hỗ trợ áp dụng IFRS; soạn thảo, ban hành và hướng dẫn thực hiện VFRS; khảo sát, đánh giá việc triển khai áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính đối với từng ngành và lĩnh vực để có giải pháp hiệu quả.

b) Tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ về kỹ thuật, kinh nghiệm của các chuyên gia trong việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực và các hoạt động khác có liên quan đến việc triển khai thực hiện Đề án.

3.7. Tuyên truyền về lộ trình, phương án áp dụng IFRS, VFRS

a) Đối thoại với các doanh nghiệp để truyền thông về lợi ích của IFRS, động viên, khuyến khích các doanh nghiệp chuyển sang áp dụng IFRS.

b) Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về lộ trình, cách thức triển khai áp dụng VFRS và IFRS, giúp các đối tượng có liên quan chủ động trong công tác chuẩn bị áp dụng.

c) Thực hiện công tác truyền thông cho các nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức và định chế tài chính quốc tế về nội dung của Đề án, những mục tiêu cải cách trong quản lý tài chính hướng đến nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

- Phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam;
- Thành lập và tổ chức hoạt động của Ban biên tập, Ban soát xét bản dịch chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế sang tiếng Việt;

- Thành lập và tổ chức hoạt động của Ban soạn thảo, Tổ biên tập chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam;

- Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật công bố bản dịch IFRS ra tiếng Việt và hướng dẫn thể thức áp dụng IFRS; Nghiên cứu, cập nhật thường xuyên khi IFRS có thay đổi, đảm bảo tính đồng bộ của cả hệ thống chuẩn mực so với thông lệ quốc tế.

- Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện VFRS theo hướng tiệm cận gần nhất với IFRS và thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện Việt Nam, thay thế các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp hiện nay;

- Rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tài chính theo các mục tiêu cải cách, tạo sự bình đẳng trong việc áp dụng và thực thi pháp luật giữa các thành phần kinh tế; xác định và phân biệt rõ phạm vi áp dụng của chuẩn mực báo cáo tài chính và cơ chế tài chính, hạn chế vướng mắc trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp;

- Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để xử lý các tình huống khác biệt giữa chuẩn mực báo cáo tài chính và cơ chế tài chính; khác biệt giữa IFRS và VFRS;

- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan đánh giá tác động và kết quả áp dụng IFRS tại các doanh nghiệp;

- Công bố tài liệu hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ hỗ trợ cho việc tiếp cận, nghiên cứu, thực hiện IFRS, VFRS;

- Triển khai công tác đào tạo và phối hợp tổ chức các hoạt động đào tạo IFRS và VFRS cho thành viên Ban nghiên cứu, soạn thảo chuẩn mực, các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan;

- Tuyên truyền, phổ biến về định hướng, chủ trương cải cách thể chế quản lý tài chính của Chính phủ Việt Nam, trong đó có việc áp dụng IFRS, VFRS cho các đơn vị, tổ chức có liên quan;

- Tham gia ý kiến với Ngân hàng Nhà nước để xác định lộ trình, phương án áp dụng IFRS cho các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn; Phối hợp tổng kết, đánh giá kết quả áp dụng IFRS tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng;

- Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương trong việc nghiên cứu, triển khai, hướng dẫn áp dụng IFRS, VFRS, cũng như đề xuất các giải pháp hoàn thiện khung pháp lý theo lĩnh vực quản lý và tổ chức thực hiện để đảm bảo tính khả thi các hoạt động có liên quan đến việc áp dụng IFRS, VFRS;

- Ban hành các văn bản và tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật về kế toán, chuẩn mực kế toán;

- Xây dựng kế hoạch tổng thể và triển khai hoạt động đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu và lộ trình áp dụng FFRS, VFRS; Trợ giúp hướng dẫn các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo trong quá trình áp dụng IFRS, VFRS;

- Thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả áp dụng IFRS và VFRS; Quản lý, giám sát báo cáo tài chính của các doanh nghiệp có lợi ích công chúng;

- Tăng cường phối hợp với các hội nghề nghiệp, các chuyên gia, tổ chức trong nước và quốc tế, tranh thủ các nguồn lực hỗ trợ về kỹ thuật, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và các công việc khác trong việc áp dụng IFRS, VFRS;

- Thực hiện đầy đủ các quy trình theo quy định của IASB để đảm bảo hoạt động triển khai áp dụng IFRS tại Việt Nam phù hợp với luật pháp quốc tế; Tham gia vào quá trình xây dựng, ban hành IFRS của Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế;

- Bố trí dự toán kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu, triển khai thực hiện Đề án.

2. Hoạt động phối hợp, tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị

a. Ngân hàng Nhà nước

- Đối với báo cáo tài chính hợp nhất: Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu, xác định lộ trình áp dụng bắt buộc IFRS để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho từng doanh nghiệp cụ thể thuộc nhóm các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính.

- Đối với báo cáo tài chính riêng: Ngân hàng Nhà nước nghiên cứu, xác định lộ trình áp dụng bắt buộc hoặc áp dụng tự nguyện IFRS để lập báo cáo tài chính riêng cho từng doanh nghiệp cụ thể thuộc nhóm các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính.

- Chủ động tổ chức các hoạt động triển khai theo lĩnh vực quản lý, đề xuất hoàn thiện khung pháp lý để đảm bảo tính khả thi và tổ chức các hoạt động có liên quan đến việc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính.

b. Các Bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Phối hợp với Bộ Tài chính trong quá trình công bố và hướng dẫn cách thức áp dụng IFRS; nghiên cứu, ban hành và tổ chức thực hiện VFRS.

- Chủ động tổ chức các hoạt động triển khai theo lĩnh vực quản lý, đề xuất hoàn thiện khung pháp lý để đảm bảo tính khả thi và tổ chức các hoạt động có liên quan đến việc áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính.

c. Các doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng

- Xác định mục tiêu, nhu cầu và kế hoạch áp dụng IFRS;

- Chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện phù hợp với lộ trình áp dụng IFRS, VFRS được Bộ Tài chính công bố.

d. Các cơ sở đào tạo

- Chủ động xây dựng chương trình đào tạo về kế toán, căn cứ vào lộ trình, phương án áp dụng, tổ chức các hoạt động đào tạo IFRS và VFRS;

- Tổ chức nguồn lực và xây dựng giáo trình, phương pháp giảng dạy phù hợp đáp ứng được nội dung đào tạo IFRS theo lộ trình đã được phê duyệt.

e. Các hội nghề nghiệp

- Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc thực hiện nghiên cứu, đào tạo, tuyên truyền, hỗ trợ các doanh nghiệp và hội viên trong quá trình áp dụng IFRS;

- Phối hợp với Bộ Tài chính công bố tài liệu hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ giúp các đối tượng có liên quan dễ dàng tiếp cận, nghiên cứu, thực hiện IFRS và VFRS.

f. Các đơn vị cung cấp dịch vụ

Chủ động xây dựng kế hoạch, các điều kiện cần thiết và tổ chức nguồn lực đáp ứng được yêu cầu cung cấp dịch vụ liên quan đến việc áp dụng IFRS và VFRS của các tổ chức, doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ.

3. Kinh phí thực hiện Đề án

3.1. Nguồn chi thường xuyên thuộc NSNN:

Bộ Tài chính bố trí nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên để chi theo chế độ Nhà nước quy định đối với các hoạt động:

- Thực hiện các nghĩa vụ với Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB), mua bản quyền áp dụng IFRS và đóng phí thường niên cho IASB đối với các hoạt động khai thác tài liệu, dịch vụ và sử dụng tài liệu;

- Các hoạt động của Ban biên dịch, Ban soát xét bản dịch IFRS từ tiếng Anh sang tiếng Việt;

- Các hoạt động của Ban soạn thảo, Tổ biên tập VFRS;

- Xây dựng hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến việc hướng dẫn thể thức áp dụng, công bố, hỗ trợ triển khai IFRS;

- Xây dựng hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến việc công bố, ban hành và tổ chức thực hiện VFRS;

- Tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo trong nước phục vụ quá trình nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm triển khai áp dụng IFRS;

- Đào tạo IFRS cho cán bộ của Bộ Tài chính và các thành viên khác của Ban soạn thảo, Tổ biên tập VFRS;

- Trả thù lao tư vấn của các chuyên gia trong quá trình triển khai áp dụng IFRS tại Việt Nam theo quy định.

3.2. Nguồn tài trợ

Kinh phí từ các nhà tài trợ trong nước và quốc tế được quản lý, sử dụng theo quy định đối với các hoạt động theo thỏa thuận với nhà tài trợ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Cục trưởng Cục Quản lý Giám sát kế toán, kiểm toán; Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ trưởng Vụ Pháp chế; Chánh Văn phòng Bộ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLKT (20 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn